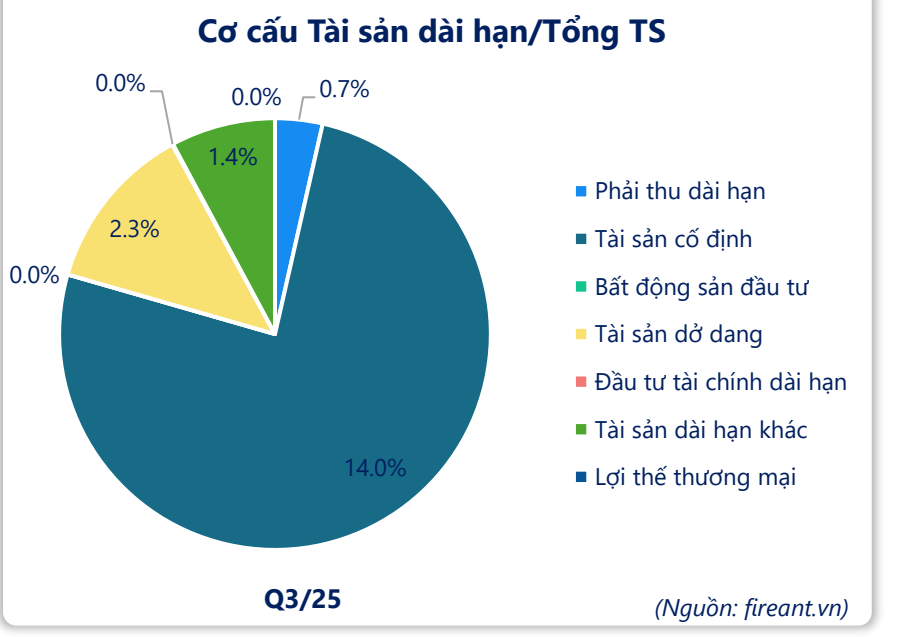
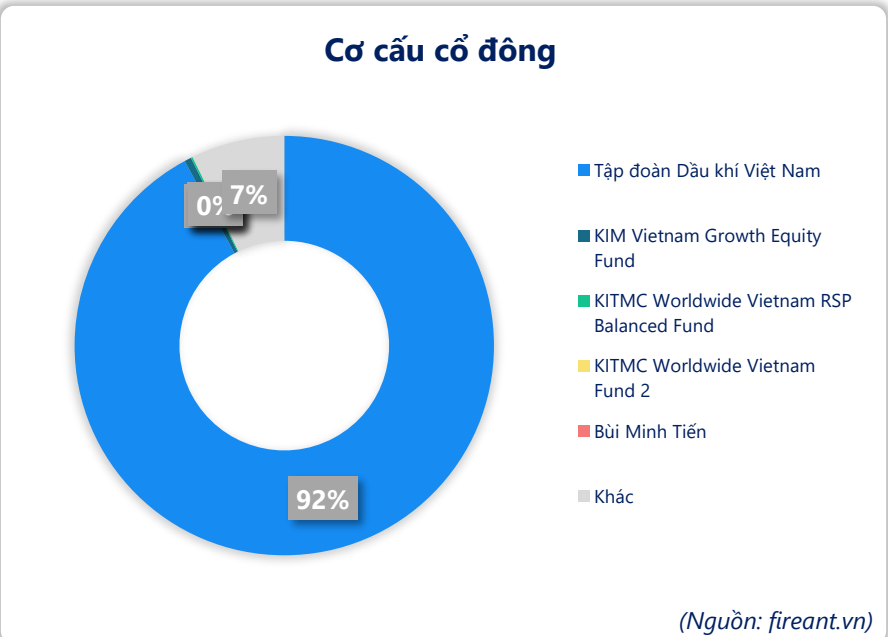
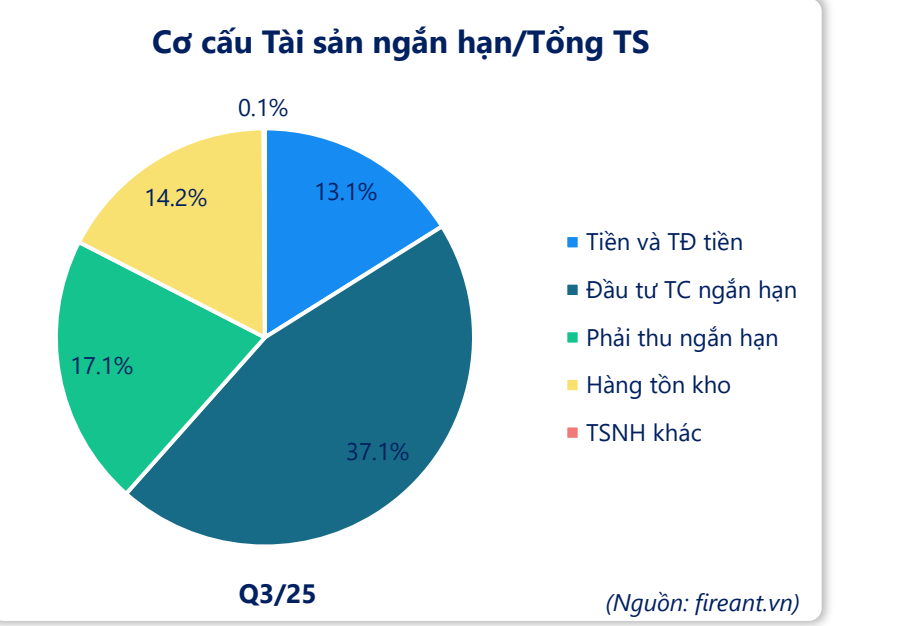
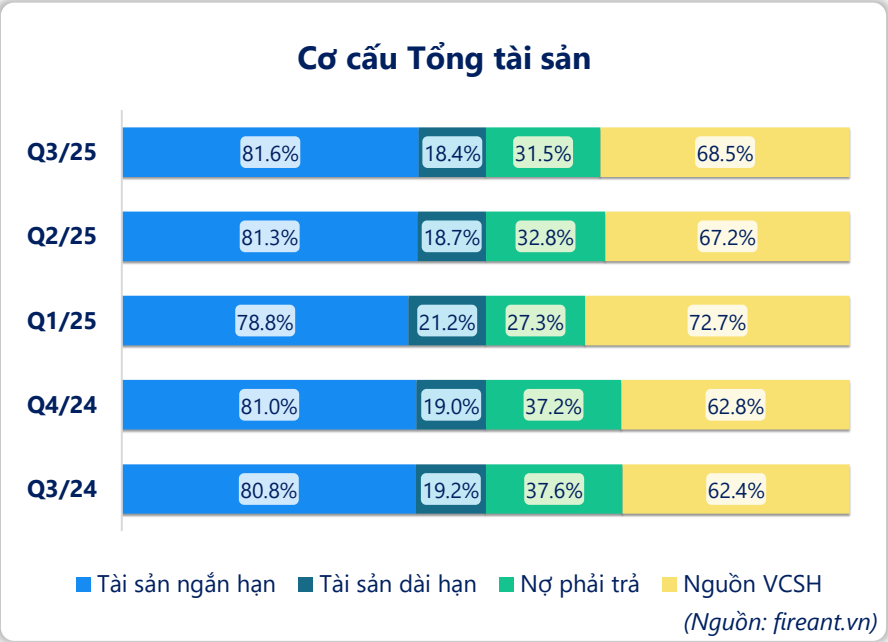
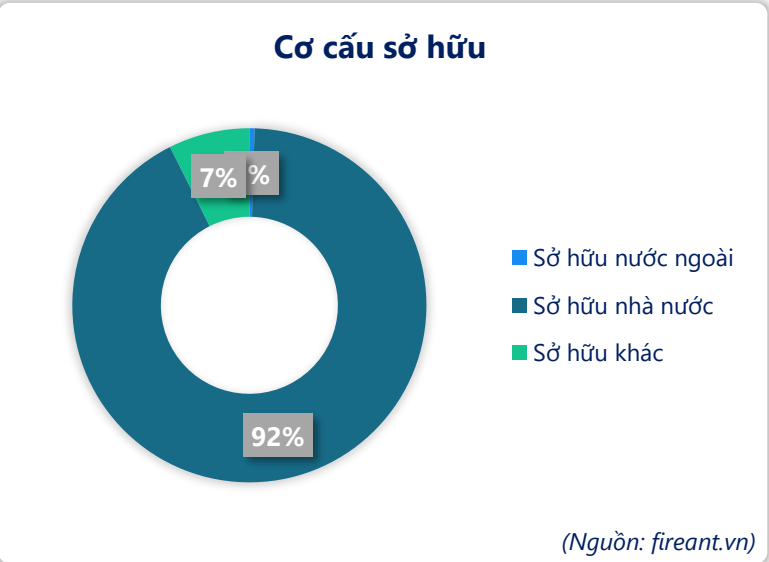
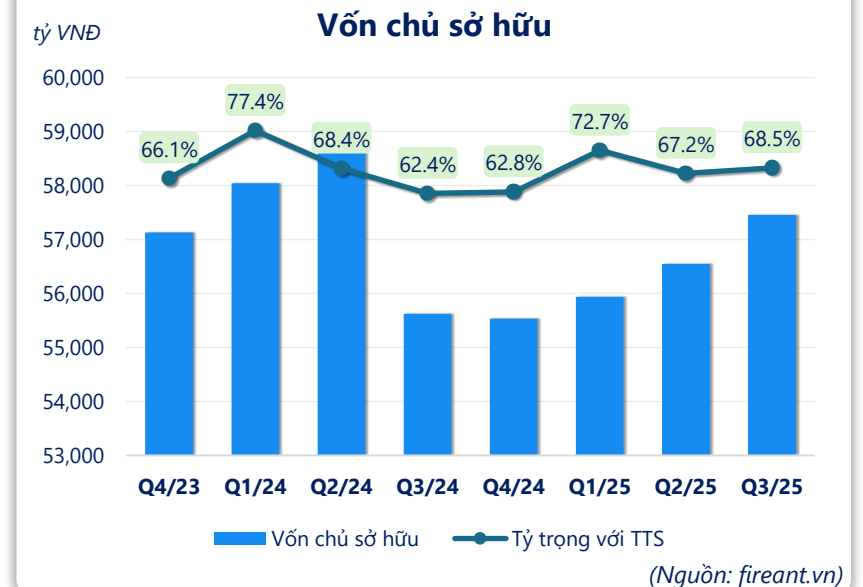
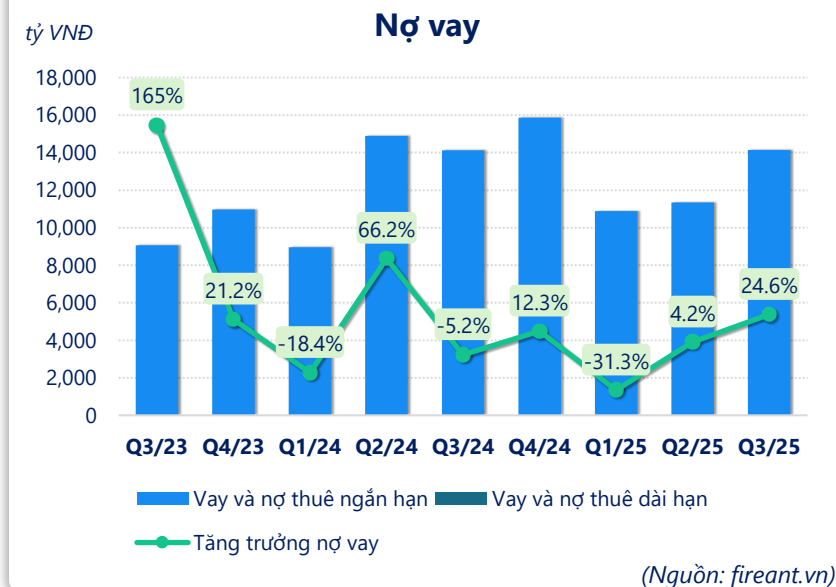
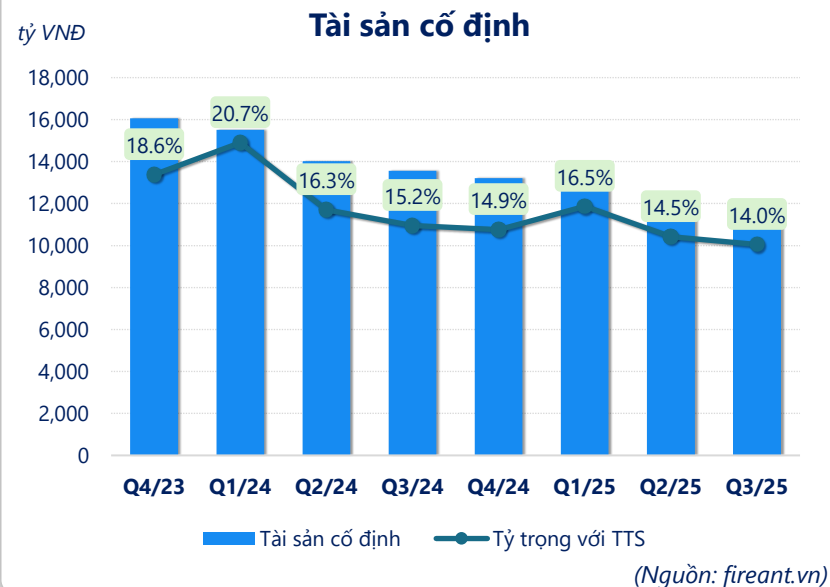
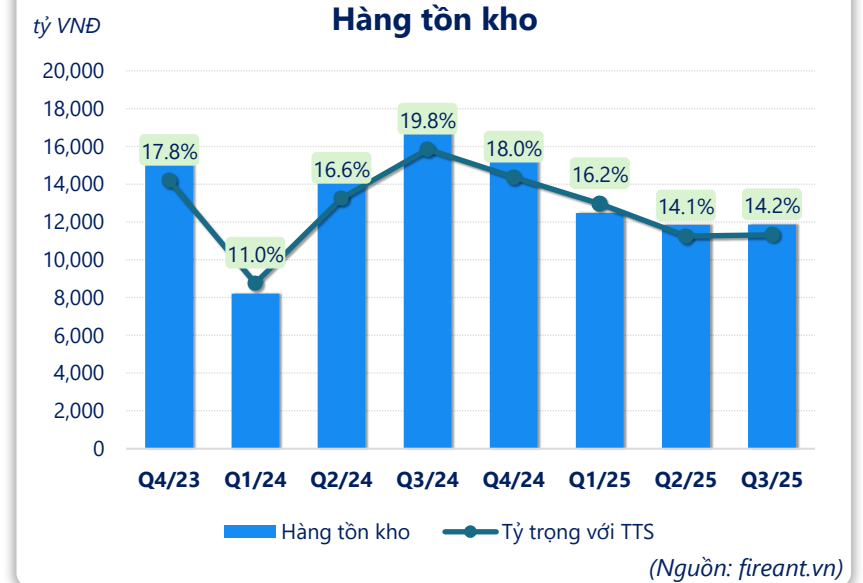
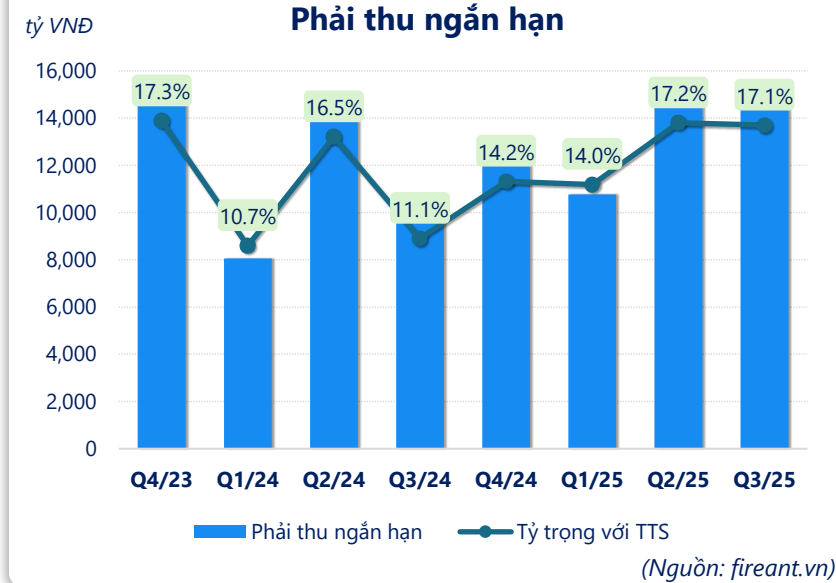
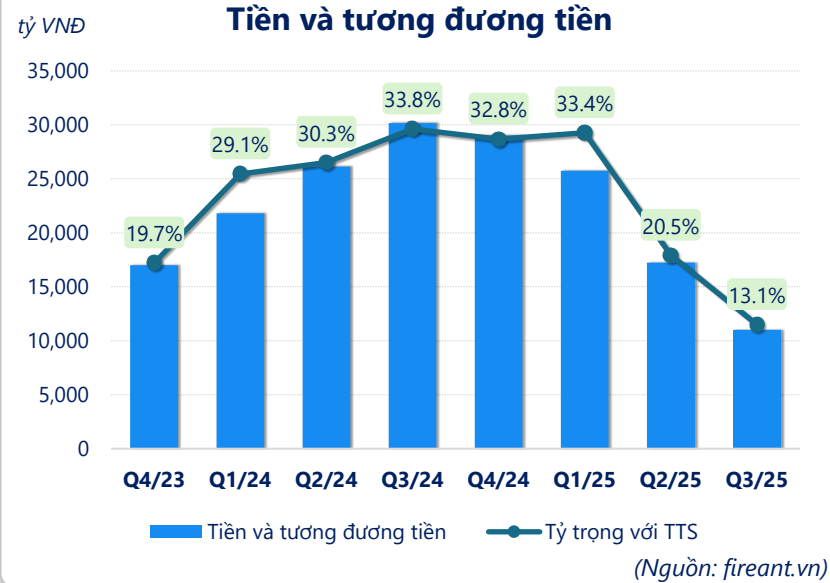
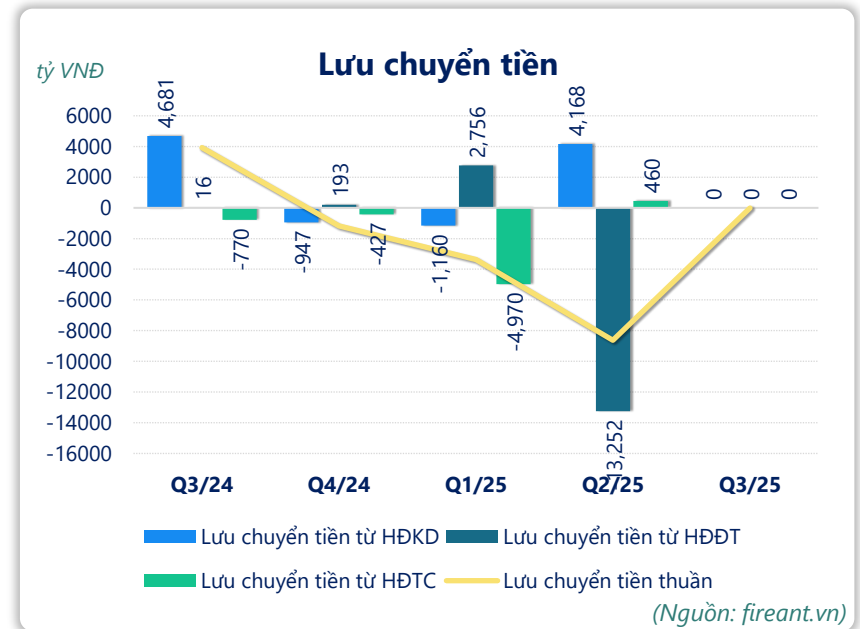
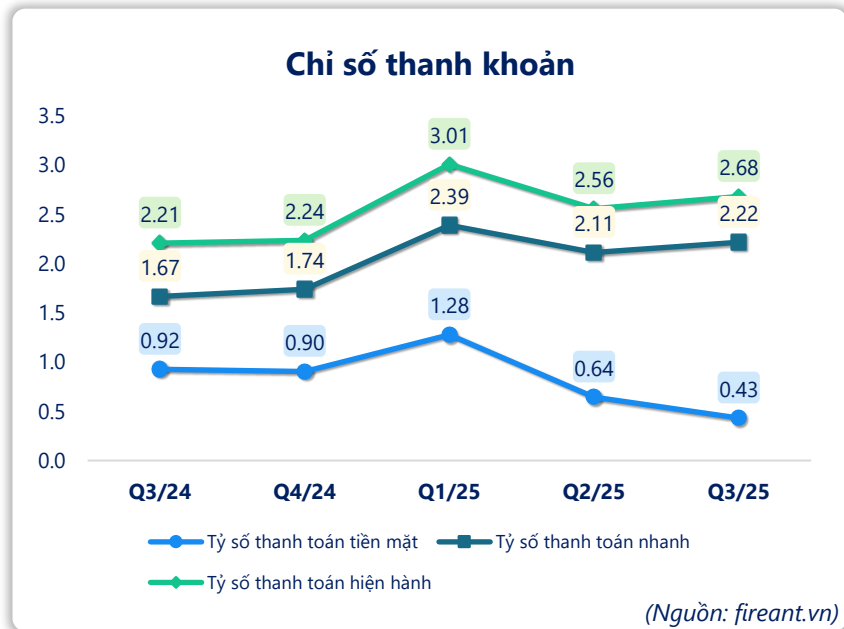
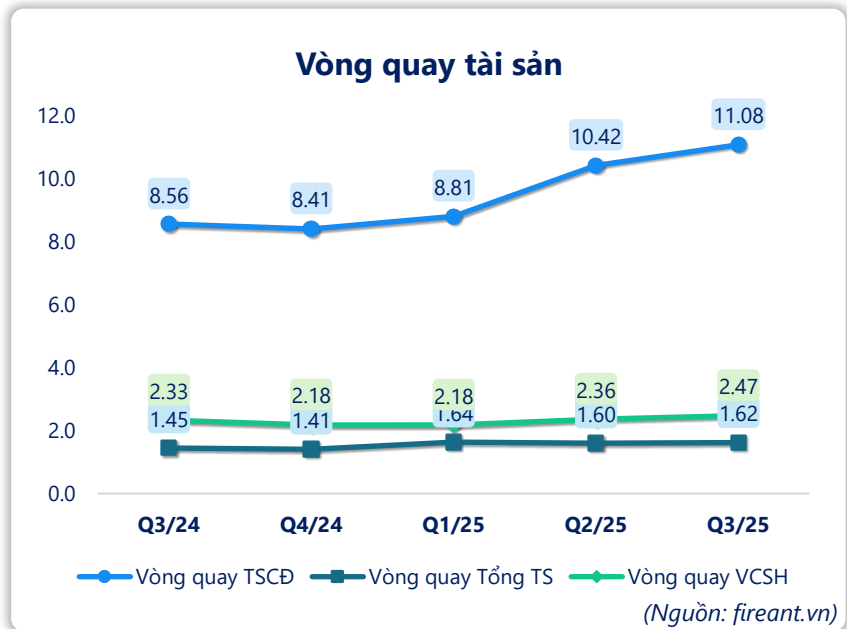
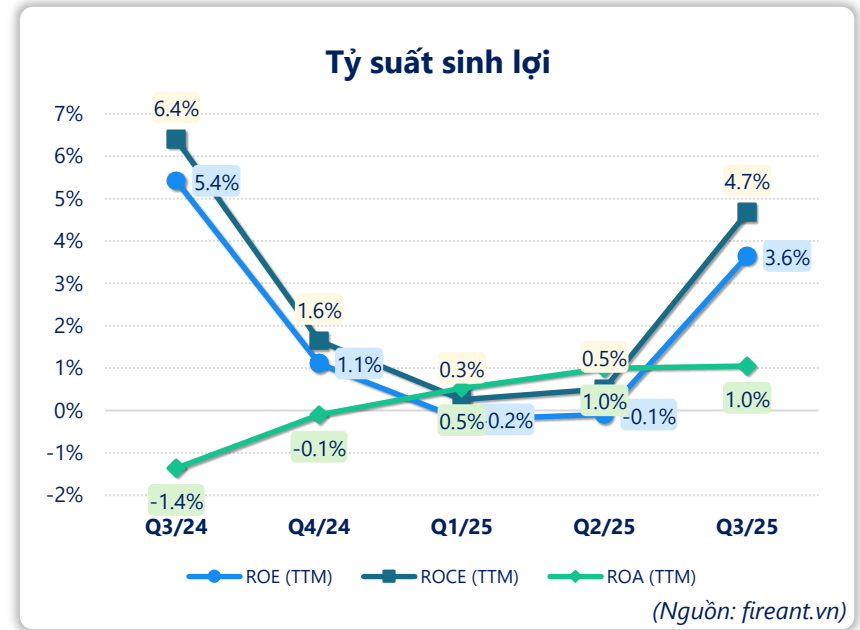
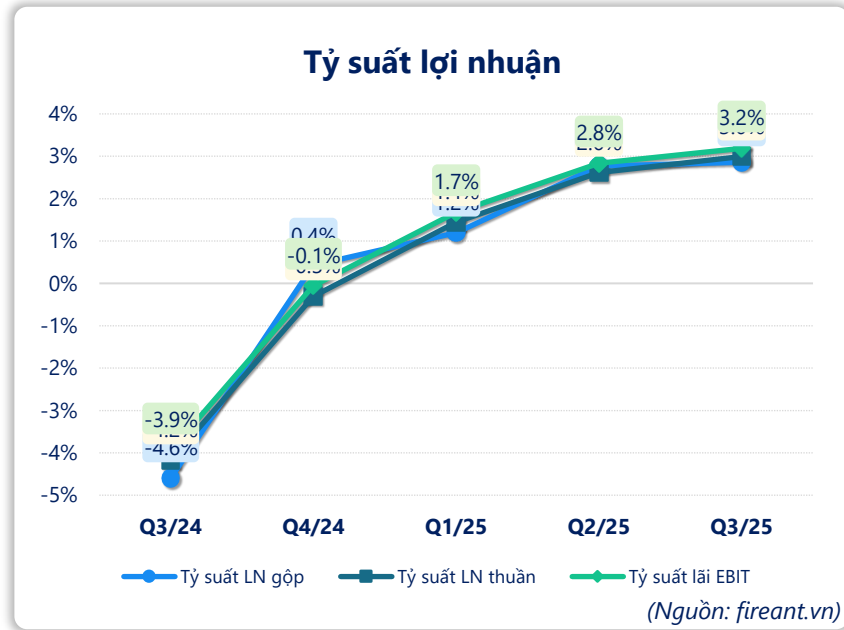
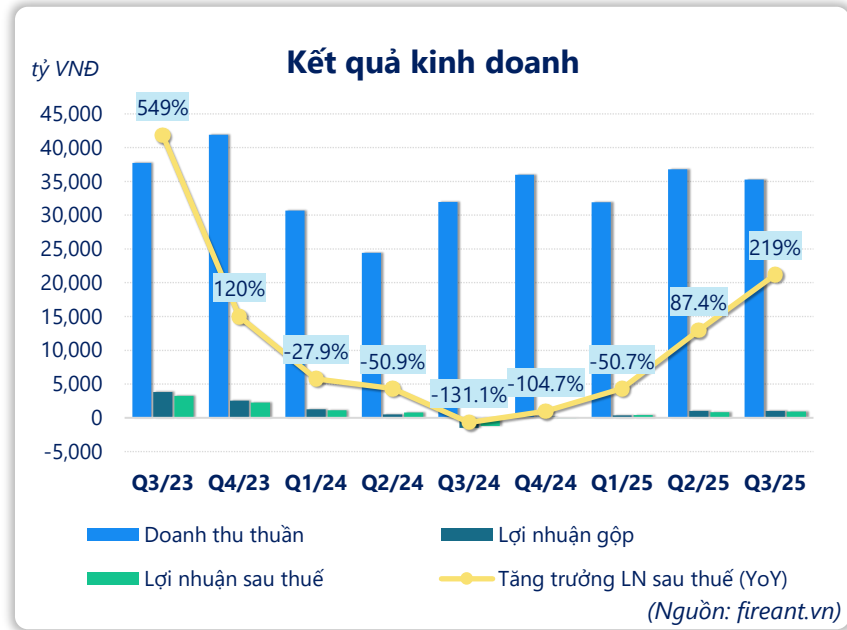


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,658,330
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
BSR	86.4%	53.6%	137.0%	117.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	83,844	88,387	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	68,426	71,516	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	11,010	28,995	-62.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31,112	14,022	122%
Phải thu ngắn hạn	14,359	12,457	15.3%
Hàng tồn kho	11,871	15,891	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	74.3	150	-50.6%
Tài sản dài hạn	15,418	16,871	-8.6%
Phải thu dài hạn	548	549	-0.1%
Tài sản cố định	11,702	13,216	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,949	1,352	44.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	9.54	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1,209	1,745	-30.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26,390	32,849	-19.7%
Nợ ngắn hạn	25,530	31,984	-20.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14,137	15,857	-10.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	8,524	14,473	-41.1%
Nợ dài hạn	860	865	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	57,454	55,538	3.4%
Vốn chủ sở hữu	57,454	55,538	3.4%
Vốn điều lệ	31,005	31,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	31,946	35,968	31,895	36,772	35,290
Giá vốn hàng bán	33,415	35,816	31,512	35,756	34,282
Lợi nhuận gộp	-1,470	152	382	1,016	1,009
Doanh thu HĐTC	554	410	465	445	553
Chi phí TC	125	280	103	122	164
Chi phí lãi vay	70.4	82.8	65.3	60.6	73.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	164	214	157	189	195
Chi phí QLDN	129	177	126	190	146
LN thuần từ HĐKD	-1,334	-110	461	961	1,057
Lợi nhuận khác	4.97	7.94	10.3	20.1	-5.58
LN trước thuế	-1,329	-102	472	981	1,051
Lợi nhuận sau thuế	-1,209	-89.1	399	847	909
LNST của CĐ cty mẹ	-1,210	-89.8	399	846	908

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,681	-947	-1,160	4,168	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.0	193	2,756	-13,252	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-770	-427	-4,970	460	0
Tiền đầu kỳ	26,142	30,159	28,995	25,745	0
Lưu chuyển tiền thuần	3,927	-1,181	-3,374	-8,624	0
Ảnh hưởng tỷ giá	90.6	16.6	124	113	0
Tiền cuối kỳ	30,159	28,995	25,745	17,233	0

(Nguồn: fireant.vn)